

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị H; Sinh năm 1969,

Nơi cư trú: Phố 5, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Anh Bùi Minh Q; Sinh năm 1963 và vợ là

Chị Hà Thị H1, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khu Phố M, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

2. Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 14/6/2016 chị Hà Thị H1 và anh Bùi Minh Q có vay của chị Trương Thị H 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng), thời hạn vay hai năm, lãi suất thỏa thuận theo lãi vay ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 14/6/2016 đến nay anh Bùi Minh Q và chị Hà Thị H1 chưa trả gốc và lãi. Chị Trương Thị H đã hỏi nợ nhiều lần anh Q và chị H1 đều khất nợ.

2.2. Nay chị Trương Thị H khởi kiện yêu cầu anh Bùi Minh Q và chị Hà Thị H1 liên đới có trách nhiệm trả toàn bộ tiền gốc 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) không tính lãi.

2.3 Anh Bùi Minh Q và chị Hà Thị H1 tự nguyện thỏa thuận có trách nhiệm trả cho chị Trương Thị H là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng).

2.4 Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2,7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Bùi Minh Q và chị Hà Thị H1 liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ là $63.000.000đ \times 2,5\% = 1.575.000đ$ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thảm cho chị Trương Thị H là 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008585 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-VKS cùng cấp

-THA dân sự

-GĐA

-Các đương sự,

....

-Lưu hs

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên